**TIẾT PPCT: 7,8,9,10**

**CHỦ ĐỀ: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN**

**Bước 1: Lựa chọn chủ đề /xác định vấn đề cần giải quyết trong chủ đề**

a. Lựa chọn chủ đề bài học (căn cứ xây dựng chủ đề).

Trong chương trình giáo dục công dân lớp 12 THPT bài 3, Công dân bình đẳng trước pháp luật; bài 4, Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội. Nội dung của hai bài này đều được giải quyết vấn đề chung về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. Do vậy, nếu cấu trúc lại nội dung của hai bài trong một Chủ đề về công dân bình đẳng trước pháp luật thì sẽ có nhiều cơ hội phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh trong việc vận dụng các kiến thức pháp luật về quyền bình đẳng của công dân vào các tình huống thực tiễn trong các lĩnh vực của đời sống, xã hội.

b. Xác định vấn đề cần giải quyết.

Vấn đề cần giải quyết trong chủ đề trên thuộc vấn đề về giáo dục pháp luật, cụ thể là quyền bình đẳng trước pháp của công dân. Mọi công dân đều bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý trước pháp luật. Quy định về quyền bình đẳng trước pháp luật của công dân trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, lĩnh vực lao động, kinh doanh

Như vậy, với chủ đề công dân bình đẳng trước pháp luật các vấn đề cần giải quyết trong chủ đề là:

Vì sao bình đẳng trước pháp luật là một trong những quyền cơ bản của công dân

Quyền bình đẳng trước pháp luật của công dân được quy định như thế nào? Trên những lĩnh vực nào?

Nêu quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật ? Những ví dụ cụ thể về việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trức pháp luật/vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong đời sống xã hội.

**Bước 2. Xác định nội dung chủ đề**

Công dân bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý.

Các vấn đề cơ bản về quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực hôn nhân gia đình kinh doanh và lao động.

Trách nhiệm của nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân.

**Bước 3. Xác định mục tiêu bài học**

Về kiến thức: Giải thích được thế nào là công dân bình đẳng về quyền nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý. Nhận biết được khái niệm nội dung quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.

  Về kĩ năng: Thực hiện và nhận xét việc quyền bình đẳng của bản thân và người khác trong các lĩnh vực hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh.

Về thái độ: Tôn trọng quyền bình đẳng của công dân trong cuộc sống hằng ngày, phê phán những hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân.

  Những năng lực có thể hướng tới: Năng lực nhận thức, đánh giá và điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật, năng lực tự chịu trách nhiệm và thực hiện trách nhiệm công dân, năng lực giải quyết vấn đề,

**Bước 4. Mô tả mức độ yêu cầu kiểm tra đánh giá.**

Bảng mô tả chuẩn của chủ đề: Công dân bình đẳng trước pháp luật

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng thấp | Vận dụng cao |
| Công dân bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý. | Nhận biết được khái niệm công dân bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý. | - Giải thích được thế nào là công dân bình đẳng về quyền nghĩa vụ trách nhiệm pháp lý.  - Phân biệt được bình đẳng về quyền, nghĩa vụ với bình đẳng về trách nhiệm pháp lý. | Nhận xét đánh giá được việc thực hiện quyền bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm lý công dân, | Lựa chọn được cách cư xử đúng khi thực hiện quyền bình đẳng của mình trước pháp luật |
| Bình đẳng trong hôn nhân gia đình | Nhận biết được khái niệm bình đẳng trong hôn nhân gia đình. | - Phân tích được những biểu hiện cụ thể của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.  - Giải thích được trách nhiệm pháp lý của công dân, của nhà nước trong việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực này. | Nhận xét đánh giá được thực hiện bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của bản thân và những người khác trong lĩnh vực nhân và gia đình. | Thực hiện quyền bình đẳng phù hợp với lứa tuổi trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. |
| Bình đẳng trong lao động | Nhận biết được hãy niệm bình đẳng trong lao động | - Phân tích được những biểu hiện cụ thể của quyền bình đẳng trong lao động.  - Giải thích được trách nhiệm pháp lý của công dân, của nhà nước trong việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực này, | Nhận xét đánh giá được việc hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân và những người khác trong lao động. | Thực hiện quyền bình đẳng  trong lao động phù hợp với lứa tuổi. |
| Bình đẳng trong kinh doanh | Nhận biết được khái niệm bình đẳng trong kinh doanh | - Phân tích được biểu hiện cụ thể quyền bình đẳng trong kinh doanh.  - Giải thích được trách nhiệm pháp lý của công dân, của nhà nước trong việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực này, | Nhận xét đánh giá được quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của bản thân và những người khác trong kinh doanh. | Thực hiện bình đẳng phù hợp với lứa tuổi trong lĩnh vực kinh doanh. |

**Bước 5. Biên soạn các câu hỏi, bài tập cụ thể theo mức độ yêu cầu**

**1. Trắc nghiệm**

**Nhận biết**

**Câu 1.** Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình dựa trên cơ sở nguyên tắc nào sau đây?

**A. Dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.**

B. Tự do, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

C. Công bằng, lắng nghe, kính trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

D. Cha sẻ, đồng thuận, quan tâm lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

**Câu 2**. Ý nào sau đây ***không*** thuộc nội dung bình đẳng trong lao động?

A. Bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.

B. Bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động.

C. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.

**D. Bình đẳng giữa những người sử dụng lao động.**

**Câu 3.** Mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh theo quy định của pháp luật là nội dung thuộc quyền nào sau đây?

**A. Quyền bình đẳng trong kinh doanh.**

B. Quyền bình đẳng trong lao động.

C. Quyền bình đẳng trong sản xuất.

D. Quyền bình đẳng trong mua bán.

**Thông hiểu**

**Câu 1**. Vụ án Phạm Công Danh và đồng bọn tham nhũng 9.000 tỉ của nhà nước đã bị nhà nước xét xử và có hình phạt tùy theo mức độ. Điều này thể hiện

**A. công dân đều bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.**

B. công dân đều bình đằng về quyền và nghĩa vụ.

C. công dân đều có nghĩa vụ như nhau.

D. công dân đều bị xử lí như nhau.

**Câu 2.** Việc xét xử các vụ án kinh tế của nước ta hiện nay không phụ thuộc người đó là ai, giữ chức vụ gì, là thể hiện công dân bình đẳng về

A. quyền trong kinh doanh.

**B. trách nhiệm pháp lí.**

C. nghĩa vụ trong kinh doanh.

D. nghĩa vụ pháp lí.

**Câu 3**. Trong cùng một điều kiện như nhau, nhưng mức độ sử dụng quyền và nghĩa vụ của công dân phụ thuộc vào

A. khả năng và hoàn cảnh, trách nhiệm của mỗi người.

B. năng lực, điều kiện, nhu cầu của mỗi người.

**C. khả năng, điều kiện, hoàn cảnh mỗi người.**

D. điều kiện, khả năng, ý thức của mỗi người.

**Vận dụng**

**Câu 1.** Sau khi kết hôn anh Abuộc vợ mình phải nghỉ việc để chăm sóc gia đình. Vậy anh A đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ

**A. nhân thân.**

B. tài sản chung.

C. tài sản riêng.

D. tình cảm.

**Câu 2.** A là người dân tộc Kinh, X là người dân tộc Tày. Cả 2 đều tốt nghiệp trung học phổ thông cùng xin vào làm một công ty. Sau khi xem xét hồ sơ, công ty quyết định chọn A và không chọn X vì lí do X là người dân tộc. Hành vi này của công ty đã vi phạm nội dung nào về bình đẳng trong lao động?

**A. Bình đẳng trong việc thực hiện quyền lao động.**

B. Bình đẳng trong sử dụng lao động.

C. Bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.

D. Bình đẳng trong giữa các dân tộc.

**Câu 3.** Ông G đã có giấy phép kinh doanh dịch vụ ăn uống nhưng thấy mặt bằng rộng nên ông G làm hồ sơ xin đăng ký kinh doanh thêm dịch vụ vui chơi giải trí. Ông A đã sử dụng quyền nào sau đây?

A.Quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.

**B. Quyền tự chủ đăng kí kinh doanh.**

C. Quyền chủ động mở rộng quy mô.

D. Quyền được khuyến khích phát triển trong kinh doanh.

**2. Tình huống.**

**Câu hỏi vận dụng thấp.**

Vào giờ tan học buổi chiều, mọi người thấy một chú cảnh sát giao thông yêu cầu bốn học sinh đang đi xe đạp điện phải dừng lại. Thì ra, các bạn học sinh này đã đi vào đường ngược chiều. Hai học sinh lớp 12 (17 tuổi) bị chú cảnh sát giao thông phạt tiền với mức mỗi người là 200.000 đồng, hai học sinh lớp 10 (15 tuổi) thì không bị phạt tiền mà chỉ bị phạt cảnh cáo bằng văn bản. Khi về nhà, hai học sinh lớp 12 kể lại cho bố mẹ câu chuyện này. Bố mẹ hai em không hài lòng vì cho rằng chú cảnh sát giao thông xử phạt như vậy là không công bằng: cùng đi xe đạp điện vào đường ngược chiều mà người thì bị phạt tiền, người thì chỉ bị phạt cảnh cáo.

1. Theo em, tại sao trong trường hợp này đối với cùng một hành vi vi phạm như nhau mà chú cảnh sát giao thông này áp dụng các hình thức xử phạt khác nhau?

2. Việc xử phạt của chú cảnh sát giao thông có trái với nguyên tắc công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý hay không? Vì sao?

**Câu hỏi vận dụng cao**

Tại một tiền tòa hình sự hai bị cáo bị buộc tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý. Hai bị cáo này đều có sức khỏe, công trạng và hoàn cảnh như nhau; đều cùng tham ô với mức mỗi người là 180 triệu đồng. Tòa đã áp dụng Điều 278 Bộ luật Hình sự về “Tội tham ô tài sản”, tuyên phạt hai bị cáo với mức hình phạt khác nhau: bị cáo 41 tuổi phạt 7 năm tù giam, bị cáo 42 tuổi bị phạt 8 năm tù giam. Nhiều người thắc mắc: pháp luật có quy định người 42 tuổi phải chịu trách nhiệm trách nhiệm pháp lý cao hơn người 41 tuổi đâu.

1. Em hiểu thế nào là bình đẳng về trách nhiệm pháp lý?

2. Theo em, trường hợp này Tòa án tuyên như thế nào là đúng nhất? Vì sao?

Mặc dù có tới 10 người con nhưng ngoài tám mươi tuổi rồi mà cụ Châu Thị Ba Phi vẫn mãi sống ở vỉa hè trên đường Bởi Lời (Tây Ninh).

Khi cụ ông mất, cụ bà Ba Phi định ở với con út trong ngôi nhà của mình. Nhưng những người con khác không đồng ý, chúng bắt cụ bán ngôi nhà và chia đều cho các con. Sau đó, chúng sẽ luân phiên phụng dưỡng mẹ. Sau khi thực hiện mong muốn của các con, chúng tị nạnh và không đứa nào chịu trách nhiệm nuôi cụ.

Người dân trong khu vực ai ai cũng xót xa cho hoàn cảnh của bà cụ, có người còn mang cụ về nhà nuôi. Nhưng cụ cũng chỉ ở vài ngày và điểm đến cuối cùng vẫn là lề đường, góc chợ trong khi những người con trời đánh của cụ vẫn ung dung sống trong những ngôi nhà khang trang. Có người hỏi: Sao cụ đông con mà không để chúng luôn phiên phụng dưỡng mẹ? Thậm chí, khi được hỏi lý do vì sao lại để mẹ mình lang thang nơi đầu đường, một trong những người con của cụ trả lời rằng: Mẹ già nên khó ngủ, thức đêm hay la hoảng, mỗi đêm đi tiểu năm sáu lần, mỗi lần đi lại kêu, đập cửa,.. Mang bà về nuôi, đêm rất khó ngủ mà hôm sau còn phải đi làm”. Dần dần ai cũng sợ, cũng ngại.

1. Luân phiên phụng dưỡng mẹ có phải là bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của con đối với cha mẹ không? Vì sao?

2. Xác định những vi phạm về quyền và nghĩa vụ của các con của cụ Ba Phi?

3. Nếu là cháu nội ngoại của cụ Ba Phi, em sẽ ứng xử như thế nào?

4. Em đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với cha mẹ như thế nào?

**Bước 6. Tổ chức dạy học.**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC (bước 3)**

**III. PHƯƠNG PHÁP/KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG**

Thao luận nhóm, xử lí tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, đọc hợp tác

**IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- SGK, SGV GDCD 12; Bài tập tình huống 12, bài tập trắc nghiệm GDCD 12; Tài liệu dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng môn GDCD 12

- Tình huống pháp luật liên quan đến nội bài học.

**V. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Khởi động**

**\*Mục tiêu:**

**-** Kích thích hs tự tìm hiểu xem các em đã biết gì về công dân bình đẳng trước pháp luật.

- Rèn luyện tư duy phê phán cho học sinh.

**\* Cách tiến hành:**

- GV cho hs phân tích, xử lý tình huống liên quan đến cd bình đẳng trước pl.

- Gv chiếu tình huống lên máy chiếu.

Anh A là nông dân, anh B là cán bộ huyện X. Khi tham gia giao thông cả 2 người đều vi phạm luật gtđb là vượt đèn đỏ. Cả 2 người đều bị cảnh sát giao thông yêu cầu dừng xe, lập biên bản và xử phạt hành chính với mức tiền phạt như nhau.

- Gv đặt câu hỏi và gọi 1,2 hs tra lời

? em có nhận xét gì về hành động của CSGT

? Từ tình huống trên và thực tế hàng ngày, em hãy cho biết thế nào là bình đẳng trước pl?

\* Gv chốt lại: hành động của cảnh sát giao thông thể hiện công dân bình đẳng trước pháp luật. Vậy CDBĐ trước pháp luật là gì? CDBĐ trước pl được thể hiện như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

**2. Hoạt động hình thành kiến thức**.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động cơ bản của thầy và trò** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 1: Thảo luận lớp tìm hiểu Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ**  \* Mục tiêu:  - HS giải thích được thế nào là công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ,  - Rèn luyện năng lực tư duy phê phán cho hs.  \* Cách tiến hành.  - GV yêu cầu hs tự đọc lời tuyên bố của chủ tịch Hồ Chí Minh sau cách mạng tháng 8 (trang 27)  GV hỏi:  1. Em hiểu thế nào là quyền bình đẳng của công dân trong lời tuyên bố của chủ tịch Hồ Chí Minh?  2. Vậy theo em thế nào là quyền và thế nào là nghĩa vụ? Lấy vd?  3. Cho ví dụ trong thực tế đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân?  4. Thế nào là công dân được bình đặng về quyền và nghĩa vụ?  5. hoàn thành bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | Quyền | Nghĩa vụ | | - Bầu cử, ứng cử  - Lao động,  - Sở hữu tài sản.  - Học tập.  - Tự do tín ngưỡng.  - Khiếu nại, tố cáo  - Tự do kinh doanh |  |   Hs trả lời và GV tóm tắt ý kiến của hs lên bảng.  - Gv chính xác hóa ý kiến của hs  - Kết luận  Mọi công dân đều được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của mình. Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu nghèo, thành phần xã hội.  **Hoạt động 2: Xử lý tình huống tìm hiểu Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.**  **\* Mục tiêu**  - HS hiểu được khái niệm thế nào là công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.  - Rèn luyện năng lực hợp tác và giao tiếp, năng lực tư duy phê phán, năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  **\* Cách tiến hành**  - Giáo viên nêu tình huống  Hùng, Huy, Tuấn và Lâm đều đã 19 tuổi bị công an xã bắt tại chỗ vì tội đánh bài ăn tiền. Ông trưởng công an xã A đã kí quyết định xử phạt hành chính đối với Hùng, Tuấn và Lâm riêng Huy là cháu cảu ông chủ tịch xã A nên không bị xữ phạt, chỉ bị công an xã nhắc nhở rồi cho về.  Hỏi:  Trong trường hợp trên Hùng, Huy, Tuấn và Lâm có bình đẳng về trách nhiệm pháp lý không?  - Gv tổ chức cho hs thảo luận tình huống trên.  - HS đại diện trả lời  - GV cung cấp cho hs một số thông tin:  + Vụ án Trương Văn Cam có dính líu cán bộ nhà nước có hành vi bảo kê tiếp tay cho Văn Cam và đồng bọn như : Bùi Quốc Huy, Phạm Sĩ Chiến, Trần Mai Hạnh, ….Bộ chính trị ban bí thư đã chỉ đạo Đảng ủy công an, ban cán sự Đảng các cấp, các ngành nhanh chống xử lí nghiêm túc, triệt để những cán bộ Đảng viên sai phạm.  + Ngày 18/3/2008 tòa án nhân dân TPHCM xét xử vụ án phúc thẩm Lương Cao Khải nguyên vụ phó vụ 2 thanh tra chính phủ và đồng phạm liên quan đến 4 dự án của tổng công ty dầu khí Việt Nam, tòa tuyên án 17 năm tù đối với Lương Cao Khải.  + Ngày 25/ 5 / 2008 tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tuyên phạt 15 năm tù giam đối với bị cáo Ngô Văn Dược nguyên là Uỷ viên ban chấp hành đảng bộ xã bắc lí phạm tội “tham ô tài chính”, “lợi dụng chức quyền chiếm đoạt tài sản”  \*Kết luận:  - GV chính xác hóa đáp án và kế luận  1. Trong trường hợp trên Hùng, Huy, Tuấn và Lâm đã không bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.Công an xã đã phân biệt đối xử khi xử phạt những người vi phạm.  2. Trách nhiệm pháp lí là do cơ quan có thẩm quyền áp dụng với các chủ thể vi phạm pháp luật. bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều bị xử lí bằng chế tài theo quy định của pháp luật.    **Hoạt động 3: Thảo luận lớp tìm hiểu trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.**  **\* Mục tiêu**  - Hs nhận biết được trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.  **\* Cách tiến hành**  Gv đưa ra các câu hỏi thảo luận  Hỏi  1. Công dân thực hiện quyền bình đẳng trên cơ sở nào? Lấy ví dụ?  2. Vì sao nhà nước phải quy định các quyền và nghĩa vụ của công dân vào hiến pháp, pháp luật? Ví dụ?  3. Vì sao nhà nước không ngừng đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật?  4. Cho ví dụ cụ thể về bản thân em được hưởng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật?  HS trả lời:  - GV kết luận: nhà nước ta vẫn quy định ưu tiên một số đối tượng công dân, nhưng không ảnh hưởng đến nguyên tắc bình đẳng của công dân trước pháp luật.  - Ví dụ: Ưu tiên cho học sinh dân tộc thiểu số, con thương binh con liệt sĩ trong kì tuyển sinh \* Cho các hộ nghèo vay vốn.  \* Chính sách ưu tiên cho cán bộ lão thành mạng, gia đình có công với cách mạng  …… | **1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.**  Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.  **2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí**  Bình đẳng trước pháp lí là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lí theo quy định của pháp luật.  ­ Công dân dù ở địa vị nào, làm nghề gì khi VPPL đều phải chịu TNPL (trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự, kỉ luật).  ­ Khi công dân vi phạm PL với tính chất và mức độ như nhau đều phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau, không phân biệt đối xử.  **3. Trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.**  - Công dân được thực hiện quyền bình đẳng trước pháp luật được quy định trong hiến pháp pháp luật.  - Nhà nước ta không những đảm bảo cho công dân thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình mà còn xử lí nghiêm minh những hành vi vi phạm quyền và lợi ích của công dân, của xã hội.  - Nhà nước không ngừng đổi mới và hoàn thiện hệ thống tư pháp, cho phù hợp với từng thời kì nhất định làm cơ sở pháp lí cho việc xử lí hành vi xâm hại quyền và nghĩa vụ của công dân, nhà nước và xã hội . |
| **Tiết2**  **\* Hoạt động 4: Phát vấn tìm hiểu khái niệm bình đẳng trong hôn nhân và gia đình**  ***\* Mục tiêu***  - Học sinh nhận biết khái niệm được là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.  - Rèn luyện năng lực nhận thức cho học sinh.  ***\* Cách tiến hành***  GV: Em hãy nhắc lại KN hôn nhân đã học ở lớp 10  - GV gọi 2 đến 3 học sinh trả lời  - GV tiếp tục nêu câu hỏi:  1. Mục đích của hôn nhân?  2. thành viên trong gia đình gồm những ai?  3. Các thành viên trong gia đình phải có cách ứng xử với nhau ntn?  4. Em hiểu thế nào là bình đẳng trong HN – GĐ?  Hs trà lời  GV: Giúp HS hiểu KN và chuyển ý.  ***\** Hoạt động 5: Thảo luận nhóm tìm hiểu về nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.**  ***\* Mục tiêu***  - HS trình bày được nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.  - Rèn luyện năng lực tự học, năng lực giao tiếp hợp tác, năng lực tư duy phê phán cho học sinh.  ***\* Cách tiến hành***  GV đặt câu hỏi cho học sinh thảo luận - 4 nhóm.  ***\* Nhóm 1***: Bình đẳng giữa vợ và chồng trong gia đình được thể hiện như thế nào? Pháp luật quy định quyền bình đẳng giữa vợ và chồng có ý nghĩa như thế nào?  ***\* Nhóm 2***: Bình đẳng giữa cha mẹ và con cái được thể hiện như thế nào? Nêu một vài biểu hiện về việc làm sai trái của cha mẹ đối với con và các con đối với cha mẹ?  ***\* Nhóm 3***: Bình đẳng giữa ông bà và cháu được thể hiện như thế nào? Là một người cháu trong gia đình em đã làm gì để góp phần thực hiện quyền bình đẳng giữa ông bà và cháu?  ***\* Nhóm 4***: Bình đẳng giữa anh, chị em trong  gia đình được thể như thế nào? Hãy dẫn ra một vài câu ca dao tục ngữ ca ngợi tình giữa anh chị em trong gia đình?  - HS: Thảo luận trong thời gian 4 phút.  - GV: Quan sát, hướng dẫn.  - HS: Đại diện phát biểu ý kiến – HS khác nhận xét, bổ xung.  - GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận  - HS: Tự ghi bài:  ***\* Hoạt động 2:*** Thảo luận nhóm tìm hiểu về nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.  ***\* Mục tiêu***  - HS trình bày được nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.  - Rèn luyện năng lực tự học, năng lực giao tiếp hợp tác, năng lực tư duy phê phán cho học sinh  ***\* Cách tiến hành***  GV đặt câu hỏi cho học sinh thảo luận Tổ nhóm - 4 nhóm – chia lớp thành 4 nhóm  ***\* Nhóm 1***: Bình đẳng giữa vợ và chồng trong  gia đình được thể hiện như thế nào? Pháp luật quy định quyền bình đẳng giữa vợ và chồng có ý nghĩa như thế nào?  ***\* Nhóm 2***: Bình đẳng giữa cha mẹ và con cái được thể hiện như thế nào? Nêu một vài biểu hiện về việc làm sai trái của cha mẹ đối với con và các con đối với cha mẹ?  ***\* Nhóm 3***: Bình đẳng giữa ông bà và cháu được thể hiện như thế nào? Là một người cháu trong gia đình em đã làm gì để góp phần thực hiện quyền bình đẳng giữa ông bà và cháu?  ***\* Nhóm 4***: Bình đẳng giữa anh, chị em trong  gia đình được thể như thế nào? Hãy dẫn ra một vài câu ca dao tục ngữ ca ngợi tình giữa anh chị em trong gia đình?  - HS: Thảo luận trong thời gian 4 phút.  - GV: Quan sát, hướng dẫn.  - HS: Đại diện phát biểu ý kiến – HS khác nhận xét, bổ xung.  - GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận  - HS: Tự ghi bài:  GV kết luận nội dung và nhấn mạnh kiến trọng tâm: Quan hệ giữa các thành viện trong gia đình được thể hiện ở việc đối xử công bằng, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Có quyền được được phát triển cà cùng nhau giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt nam.  **Hoạt động 5: Phát vấn tìm hiểu khái niệm bình đẳng trong lao động.**  ***\* Mục tiêu***  - Học sinh nhận biết được thế nào là bình đẳng trong lao động.  - Rèn luyện năng lực nhận thức cho học sinh.  ***\* Cách tiến hành:***  - GV cho học sinh xem một số hình ảnh về hoạt động lao động của con người trên một số lĩnh vực khác nhau và đặt câu hỏi:  1. Theo em, những hình ảnh trên nói lên điều gì?  2. Em hãy nêu một số mối quan hệ cơ bản phát sinh trong quá trình lao động?  3. Để mối quan hệ giữa người và người trong quá trình lao động ngày càng trở nên tốt đẹp và tác động tích cực vào sự phát triển của xã hội, theo em nguyên tắc nào là quan trọng nhất?  4. Vậy thế nào là bình đẳng trong lao động?  - HS trả lời  - GV: Kết luận.  **Hoạt động 6: Đàm thoại và xử lí tình huống nhằm tìm hiểu nội dung bình đẳng trong lao động.**  ***\* Mục tiêu***  - Học sinh nhận biết được nội dung công dân bình đẳng trong lao động.  - Rèn luyện năng lực nhận thức cho học sinh.  ***\* Cách tiến hành***  - GV nêu vấn đề và đặt câu hỏi: *Hiện nay một số doanh nghiệp ngại nhận lao động nữ vào làm việc. Vì vậy, cơ hội tìm việc làm của lao động nữ khó khăn hơn lao động nam.* Em có suy nghĩ gì trước hiện tượng trên?  1. Nếu là chủ doanh nghiệp em có yêu cầu gì khi tuyển dụng lao động? Vì sao?  2. Em hiểu quyền lao động là gì?  3. Thế nào là công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động?  - HS trả lời:  - GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận:  - GV nêu vấn đề: Nhà nước ưu đãi đối với người có chuyên môn kĩ thuật cao có bị coi là bất bình đẳng trong sử dụng lao động?  - GV: Quyền bình đẳng của công dân được thực hiện thông qua hợp đồng lao động.  VD: Anh An đến công ty may kí hợp đồng lao động với giám đốc công ty. Qua trao đổi từng điều khoản, hai bên đã thoả thuận kí hợp đồng dài hạn (*việc kí hợp đồng thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào*). Nếu là Anh An, thì các em quan tâm đến những nội dung nào trong hợp đồng lao đồng.  (Các nội dung thoả thuận như sau:  - *Công việc phải làm* là thiết kế quần áo.  - *Thời gian làm việc*: Mỗi ngày 8 giờ, mỗi tuần 40 giờ.  - *Thời gian nghỉ ngơi*: Nghỉ thời gian trong ngày ngoài giờ làm việc theo hợp đồng, nghỉ lễ tết, ốm...theo qui định pháp luật.  - *Tiền lương*: 3.000.000 triệu VNĐ trên cơ sở chấp hành tốt kỉ luật LĐ theo qui định.  - *Địa điểm làm việc... Thời gian hợp đồng... ĐK an toàn, vệ sinh lao động...*  *- BHXH:* Anh An trích mỗi tháng 5% tổng thu nhập hàng tháng để đóng bảo hiểm xã hội... )  - GV:Từ VD trên, hãy cho biết hợp đồng lao động là gì?  - HS trả lời:  - GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận:  - GV hỏi : Dựa vào tình huống trên em hãy cho biết tại sao người lao động và người sử dụng lao động phải kí hợp đồng?  - HS:  - GV: Việc kí kết hợp đồng lao động phải theo nguyên tắc nào?  - GVKL – chuyển ý.  + Thể hiện trách nhiệm pháp lí giữa hai bên.  + Nội dung hợp đồng là cơ sở pháp lí để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hai bên đặc biệt là đối với người lao động  - GV cho HS làm bài tập tình huống.  *“Chị Thủy mới đi làm trở lại sau 6 tháng nghỉ sinh con. Vì sức khỏe chưa được phục hồi hoàn toàn nên chị được ban giám đốc cho phép được nghỉ một giờ mỗi ngày trong thời gian làm vệc cho đến khi con chị được một tuổi. Một số đồng nghiệp nam nói, Ban Giám đốc làm như thế là đã tạo ra sự bất bình đẳng trong lao động nam và LĐ nữ.”*  - GV hỏi:  1. Theo em, vì sao Ban Giám đốc công ty chị Thủy làm việc lại làm như vậy?  2. Pháp luật quy định như thế nào về quyền bình đẳng giữa lao động nam và lao đông nữ?  - HS trả lời.  - GV: Nhận xét và kết luận: pháp luật qui định đối với lao động nữ: Có quyền hưởng chế độ thai sản; người lao động không được xa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động vì lí do kết hôn, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 thang tuổi (*trừ trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động*); không sử dụng lao động nữ công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại ...  - GV hỏi: Nêu 1 số tấm gương tiêu biểu của phụ nữ trong lao động đã góp phần to lớn trong sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta?  - HS trả lời.  GV: Bổ sung *(Đọc thông tin trong SGK trang 41)* | **1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình**  ***a . Thế nào là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình***  Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng và giữa các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.  ***b. Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.***  \* **Bình đẳng giữa vợ và chồng.** “*Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình*”. Thể hiện.  - **Trong quan hệ nhân thân**: Có quyền ngang nhau lựa chọn nơi cư trú; tôn trọng, giữ gìn nhân phẩm, danh dự, uy tín của nhau; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; giúp đỡ, tạo đk cho nhau phát triển về mọi mặt, KHHGĐ, chăm sóc con... VD:  - **Trong quan hệ tài sản**:  + Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung (quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt);  + Vợ chồng có quyền có tài sản riêng.  **\* Bình đẳng giữa cha mẹ và con**:  - Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với các con, thương yêu, nuôi dưỡng, chăm sóc...  - Không được phân biệt, đối xử, ngược đãi, hành hạ con... con trai, con gái phải chăm sóc, giáo dục, tạo điều kiện như nhau...  - Con phải yêu thương vâng lời, kính trọng, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ...  ***\** Bình đẳng giữa ông bà và các cháu**:  - Ông bà có nghĩa vụ và quyền trông nom, chăm sóc, gdục, là tấm gương tốt cho các cháu noi theo.  - Các cháu có bổn phận kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà.  **\* Bình đẳng giữa anh, chị em**:  - Anh, chị, em có bổn phận thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau.  - Có nghĩa vụ và quyền đùm bọc, nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục…  **2. Bình đẳng trong lao động**  **a. Khái niệm**  Là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua tìm việc làm; bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao động; bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ trong từng cơ quan, danh nghiệp và trong phạm vi cả nước.  ***b. Nội dung bình đẳng trong LĐ.***  *\* Công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động:*  Công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động: Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, không bị phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, nguồn gốc gia đình, thành phần kinh tế.  \* Công dân bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động  - Hợp đồng lao động là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động..  - Nguyên tắc: Tự do, tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và thoả ước lao động tập thể, giao kết trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động..  - Các bên đều có trách nhiệm thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình.  \* Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.  Bình đẳng về quyền trong lao động; về cơ hội tiếp cận việc làm; về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng; được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện khác. |
| **Tiết 4**  **Hoạt động 1: Phát vấn và xử lí tình huống nhằm tìm hiểu nội dung bình đẳng trong kinh doanh.**  ***\* Mục tiêu***  - Học sinh nhận biết được thế nào là công dân bình đẳng trong kinh doanh.  - Rèn luyện năng lực nhận thức và năng lực tư duy phê phán cho học sinh.  ***\* Cách tiến hành***  - GV: Cho HS xem một số hình ảnh về hoạt động kinh doanh của con người trên một số lĩnh vực khác nhau:  - GV hỏi: Những hình ảnh trên miêu tả hoạt động gì? Hãy nêu một số hoạt động kinh doanh mà em biết? Mục đích của hoạt động đó?  - 2 đến 3 học sinh trả lời.  - GV cho học sinh làm bài tập tình huống.  *Được bố mẹ đầu tư vốn, A đã đủ 18 tuổi, gửi hồ sơ đăng ký kinh doanh mặt hàng điện thoại di động lên UBND huyện. Hồ sơ của A hợp lệ, đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật. Đến ngày hẹn để lấy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, anh A đến nhận thì hồ sơ của anh bị từ chối. Anh được cán bộ nhận hồ sơ giải thích rằng, anh chưa được cấp giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh vì anh vừa mới qua tuổi vị thành niên và chưa có bằng kinh tế.Bên cạnh đó, anh không được lựa chọn ngành nghề kinh doanh mà phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền sắp xếp.*  Hỏi: Em có nhận xét gì về lời giải thích của cán bộ trên  - HS: 2 đến 3 học sinh trả lời  - GV: Nhận xét, bổ xung và kết luận: Lời giải thích của Cán bộ là không đúng với quy định của pháp luật.  GV liên hệ điều 57 của Hiến pháp 2013: Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật.  Điều 9 luật Doanh nghiệp quy định: Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lí doanh nghiệp (trừ trường hợp pháp luật cấm)  - GV: Từ tình huống trên, theo em hiểu bình đẳng trong kinh doanh là gì?  - HS trả lời.  - GV bổ xung và kết luận =>  **Hoạt động 2: Đọc hợp tác tìm hiểu nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh.**  ***\* Mục tiêu***  - Học sinh nhận biết được nội dung công dân bình đẳng trong kinh doanh.  - Rèn luyện năng lực tự học, giao tiếp và hợp tác.  ***\* Cách tiến hành***  - GV trình chiếu điều 7, điều 8 trong Luật Kinh Doanh (2014) về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.  **Điều 7. Quyền của doanh nghiệp**  - Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.  - Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.  - Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.  - Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.  - Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.  7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.  - Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.  - Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.  - Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.  - Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật..  **Điều 8. Nghĩa vụ của doanh nghiệp**  - Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.  - Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.  - Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.  - Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử-văn hóa và danh lam thắng cảnh.  - Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng. .  **- GV Yêu cầu học sinh tự đọc hiểu**  - HS tự đọc hiểu sau đó chia sẻ nội dung đã đọc theo cặp về nội dung kiến thức đã tóm tắt, tự giải đáp cho nhau những thắc mắc và nêu câu hỏi đề nghị giáo viên giải thích (nếu có).  - GV nêu tiếp yêu cầu HS: Khái quát những nội dung cơ bản của quyền bình đẳng trong kinh doanh và nêu ví dụ minh họa?  - HS tự học dưới sự hướng dẫn của giáo viên trong thời gian 5 phút.  - Một số cặp học sinh báo cáo kết quả làm việc  - Lớp nhận xét, bổ sung.  - GV: Chính xác hóa đáp án của học sinh, nêu thêm một số ví dụ khác và chốt lại nội dung bình đẳng trong kinh doanh. | **3. Bình đẳng trong kinh doanh.**  **a. Thế nào là bình đẳng trong kinh doanh**  - Quyền bình đẳng trong kinh doanh là quyền của mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế, từ việc lựa chọn ngành, nghề, địa điểm kinh doanh, lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quá trình sx kinh doanh đều bình đẳng theo qui định pháp luật.  **b. Nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh.**  - Mọi công dân, không phân biệt, nếu có đủ điều kiện đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh tùy theo điều kiện, khả năng của mình.  - Mọi doanh nghiệp đều có quyên tự chủ đăng ký kinh doanh trong ngành, nghề mà pháp luật không cấm khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.  - Mọi loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đều được bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài.  - Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về quyền tự chủ kinh doanh để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.  - Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong qúa trình hoạt động kinh doanh. |

**3. Hoạt động luyện tập**

**\* Mục tiêu**

- Luyện tập để hs củng cố những gì đã biết về công dân BĐ trước pl, Có ý thức tôn trọng quyền bình đẳng của công dân trong cuộc sống hằng ngày, phê phán những hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân

- Rèn luyện năng lực: Năng lực hợp tác và giao tiếp, năng lực tư duy phê phán, năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

**\* Cách tiến hành:**

- GV Tổ chức cho cả lớp làm bài tập TN, hs thực hiện cá nhân và GV chính xác hóa đáp án (cau hỏi ở bước 5).

**4. Hoạt động vận động**

**\* Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho hs vân dụng kiến thức và kỹ năng có được vào các tình huống nhất là vận dụng vào thực tế cuộc sống.

- Rèn luyện năng lực: Năng lực hợp tác và giao tiếp, năng lực tư duy phê phán.

**\* Cách tiến hành:**

Giáo viên nêu yêu cầu và hs thực hiện cá nhân vào vở

- HS tự đánh giá bản thân (hàng ngày) đã được bình đẳng trước pháp luật chưa?

- Bản thân cần làm gì đề được bình đẳng trước pháp luật?

- Nêu những việc làm tốt, những việc làm chưa tốt của bản thân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thực hiện quyền bình đẳng trong HN và GĐ? Nêu cách khắc phục những việc làm và hành vi chưa tốt đó?

**5. Hoạt động mở rộng**

**\* Mục tiêu:**

- HS giải thích được các biểu hiện quyền bình đẳng của công dân trước PL và trong lĩnh vực HN và GĐ, lao động vá kinh doanh.

- Rèn luyện năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**\* Cách tiến hành:**

- GV cung cấp địa chỉ và hướng dẫn hs cách tìm các thông tin trên mạng Intenet về:

- Một số vụ án đã đưa ra xét xử thể hiện công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

- Hoạt động của 1 DN thể hiện sự bình đẳng trong loa động và kinh doanh.

- Hs chủ động thực hiện nhiệm vụ.